

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐĂK SONG**

Số: 1399/QĐ - UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đăk Song, ngày 28 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đăk Song**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết 30c/NQ - CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ - UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ - UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh Đăk Nông;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 575/TTr - NV ngày 28/12/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đăk Song.

**Điều 2.** Giao phòng Nội vụ huyện Đăk Song chủ trì, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này. Giao Tổ thẩm định cấp huyện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các xã, thị trấn Đức An trên địa bàn huyện Đăk Song, trình Chủ tịch UBND huyện xem xét Quyết định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn Đức An; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận: ⚡*

- Nhu Điều 3;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phò**



## QUY ĐỊNH

**Đánh giá, xác định Chỉ số CCHC các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đăk Song**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ - UBND ngày 28/12/2018  
của UBND huyện Đăk Song)*



### Điều 1. Mục đích, yêu cầu

#### 1. Mục đích

a) Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là các xã), trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ và Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2017 - 2020 của UBND tỉnh và UBND huyện.

b) Nâng cao trách nhiệm vai trò của thủ trưởng đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức về công tác CCHC tại các xã, thị trấn.

c) Thông qua bộ Chỉ số CCHC, UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC tại địa phương đảm bảo phù hợp với chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện và tình hình thực tế tại địa phương; đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của đơn vị góp phần nâng cao Chỉ số CCHC của UBND huyện, UBND tỉnh, xây dựng nền hành chính trong sạch vững mạnh.

d) Kết quả đánh giá, xác định Chỉ số CCHC là một tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm của đơn vị.

#### 2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch CCHC của tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020 được ban hành tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh.

b) Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các đơn vị và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các đơn vị.

c) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong hệ thống đơn vị ở cấp xã; đánh giá thực chất, khách quan và định lượng để so sánh kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

UBND các xã, thị trấn

## **Điều 3. Nội dung Chỉ số cải cách hành chính**

### **1. Chỉ số cải cách hành chính cấp xã**

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp xã được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số xác định Chỉ số CCHC cấp xã được cấu trúc thành 7 lĩnh vực, 33 tiêu chí và 53 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo điều hành: 5 tiêu chí, 11 tiêu chí thành phần
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 5 tiêu chí, 7 tiêu chí thành phần
- Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 6 tiêu chí, 14 tiêu chí thành phần
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 6 tiêu chí
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức: 6 tiêu chí, 8 tiêu chí thành phần
- Cải cách tài chính công: 2 tiêu chí, 2 tiêu chí thành phần
- Hiện đại hóa hành chính: 3 tiêu chí, 11 tiêu chí thành phần

### **2. Thang điểm, phương pháp đánh giá và tính toán, xác định Chỉ số cải cách hành chính**

#### a) Thang điểm

- Thang điểm được tính là 100 điểm
- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại phụ lục.

#### b) Phương pháp đánh giá

- UBND các xã, thị trấn tự đánh giá, xác định và cho điểm kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định tại Quyết định này để xác định Chỉ số cải cách hành chính.

- Điểm tự đánh giá của các đơn vị được Hội đồng thẩm định cấp huyện thẩm định, đánh giá, xác định, điều chỉnh cho phù hợp (nếu cần thiết) và trình UBND huyện quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính

#### c) Tính toán, xác định Chỉ số cải cách hành chính

- Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm).

- Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, theo tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, từng tiêu chí.

### 3. Xếp loại

- Kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị được phân loại theo nhóm, cụ thể:

- Nhóm 1: Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90% trở lên
- Nhóm 2: Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80% đến dưới 90%
- Nhóm 3: Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70% đến dưới 80%
- Nhóm 4: Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60% đến dưới 70%
- Nhóm 5: Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60%

### Điều 4. Thành lập tổ tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại đơn vị

Tổ tự đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị do lãnh đạo đơn vị quyết định thành lập, có từ 05 đến 07 thành viên, do Chủ tịch UBND các xã, thị trấn làm Tổ trưởng, các thành viên là các công chức xã gồm: Văn phòng - thống kê, Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội và các công chức chuyên môn có liên quan.

### Điều 5. Thẩm định và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính

1. Tổ thẩm định Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện do Lãnh đạo phòng Nội vụ làm Tổ trưởng; Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện làm Tổ phó; các Tổ viên gồm: Lãnh đạo phòng Tư pháp, Lãnh đạo phòng Văn hóa và Thông tin, Lãnh đạo phòng Tài chính - Kế hoạch, Lãnh đạo phòng Kinh tế Hạ tầng; Chuyên viên phòng Nội vụ làm thư ký.

2. Căn cứ kết quả thẩm định của Tổ thẩm định cấp huyện, Tổ trưởng tổ thẩm định cấp huyện trình UBND huyện quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

### Điều 6. Thời gian đánh giá, thẩm định và công bố Chỉ số cải cách hành chính

1. UBND các xã, thị trấn tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình, gửi báo cáo và tài liệu kiểm chứng về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) trước ngày 01/11 hàng năm.

2. Tổ thẩm định cấp huyện hoàn thành việc đánh giá, thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện trình Chủ tịch UBND huyện trước ngày 10/12 hàng năm.

3. Thời gian UBND huyện công bố kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn trước ngày 15/12 hàng năm.

### Điều 7. Tổ chức thực hiện

#### 1. Chủ tịch UBND các xã, thị trấn

Triển khai quy định này đến toàn thể cán bộ, công chức của đơn vị; chủ động thành lập Tổ tự đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình; gửi



báo cáo và tài liệu kiểm chứng về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) theo đúng thời gian quy định.

**2. Phòng Nội vụ**

- Tham mưu UBND huyện thành lập, kiện toàn Tổ thẩm định, đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện.

- Chủ trì tham mưu UBND huyện theo dõi, đôn đốc hướng dẫn các đơn vị trên địa bàn huyện triển khai việc xác định Chỉ số cải cách hành chính.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát nội dung Chỉ số cải cách hành chính để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại huyện (nếu thấy cần thiết)

**3. Các phòng:** Tư pháp, Văn hóa và Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế Hạ tầng và Văn phòng HĐND&UBND huyện phối hợp với phòng Nội vụ trong quá trình theo dõi, đánh giá, triển khai thực hiện quy định này./.



**PHỤ LỤC**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**  
*(Kèm theo Quyết định số: 1399/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Đăk Song)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
1	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	16	0		
1.1	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	3	0		
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC ( <i>Nếu không ban hành Kế hoạch CCHC các TCTP 1.1.2 và TCTP 1.1.3 không có điểm</i> )	1	0		- Kế hoạch CCHC của đơn vị; - Kết quả theo dõi của phòng Nội vụ.
-	<i>Ban hành kế hoạch đạt yêu cầu về thời gian (không quá 30 ngày, kể từ ngày kế hoạch của UBND huyện được ban hành): 1</i>	1			
-	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành kế hoạch: 0</i>				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1	0		- Kế hoạch CCHC của đơn vị; - Kết quả theo dõi của phòng Nội vụ.
-	<i>Đạt yêu cầu theo quy định của Chính phủ, UBND tỉnh, UBND huyện (Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực được thể hiện cụ thể, chi tiết các nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành và sản phẩm, kết quả đạt được): 1</i>	1			
-	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
1.1.3	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC	1	0		- Báo cáo CCHC năm;
-	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>	1			- Tài liệu liên quan khác (nếu có).
-	<i>Hoàn thành từ 80%- dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} * 1}{100\%} \right\}$				
-	<i>Hoàn thành dưới 80%: 0</i> <i>(Cơ quan không ban hành Kế hoạch thì nội dung này 0 điểm)</i>				

<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	
1.2.1	Số lượng báo cáo ( <i>Quý I, 6 tháng, quý III và báo cáo năm</i> )	1	0	- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Kết quả theo dõi của phòng Nội vụ.
-	<i>Đầy đủ số lượng 04 báo cáo: 1</i>	1		
-	<i>Thiếu 1 báo cáo: 0.5</i>			
-	<i>Thiếu từ 2 báo cáo trở lên: 0</i>			
1.2.2	Chất lượng báo cáo	0,5	0	
-	<i>Đầy đủ các nội dung, thông tin, số liệu, có đánh giá, kiến nghị: 0,5</i>	0,5		
-	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>			
1.2.3	Thời gian báo cáo	0,5	0	
-	<i>Tất cả báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0.5</i>	0,5		
-	<i>Có 01 báo cáo chậm thời gian quy định: 0</i>			
<b>1.3</b>	<b>Công tác kiểm tra CCHC</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC của đơn vị.
-	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý các vấn đề kiểm tra gửi về UBND huyện (qua phòng Nội vụ): 2	2		
-	<i>Không xây dựng Kế hoạch kiểm tra, nhưng có tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý các vấn đề kiểm tra gửi về UBND huyện (qua phòng Nội vụ): 1</i>			
-	<i>Không xây dựng Kế hoạch kiểm tra, không tổ chức kiểm tra: 0</i>			
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Cung cấp các tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC của địa phương.
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC đã ban hành ( <i>kết quả thực hiện kế hoạch phải được thống kê, báo cáo rõ ràng, cụ thể về số lượng, nội dung, phương thức, bài viết tuyên truyền ... đã hoàn thành</i> )	3	0	
-	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 3</i>	3		

	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left\{ \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% thực hiện} * 0.5 \\ 100\% \end{array} \right.$			
-	Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	2	0	
-	Tuyên truyền nội dung CCHC tại cơ quan, đơn vị thông qua một trong các hình thức sau: Tập huấn, tọa đàm, hội thi, pa-nô, áp phích, tờ rơi, ... : 2	2		
-	Không thực hiện các hình thức trên: 0			
<b>1.5</b>	<b>Sự nồng động trong chỉ đạo điều hành CCHC</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	
1.5.1	Quy định bằng văn bản gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1	0	Quyết định; văn bản hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng của đơn vị.
-	Có thực hiện: 1	1		
-	Không thực hiện: 0			
1.5.2	Triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện CCHC theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện, các ngành liên quan	2	0	Các văn bản chỉ đạo triển khai công tác CCHC (văn bản của huyện và văn bản của xã triển khai kèm theo).
-	Thực hiện 100% văn bản: 2	2		
-	Thực hiện từ 90% - dưới 100%: 1			
-	Dưới 90%: 0			
1.5.3	Phân công trách nhiệm trong công tác CCHC	1	0	Văn bản phân công nhiệm vụ.
-	Có phân công lãnh đạo cấp xã phụ trách: 1	1		
-	Không phân công lãnh đạo phụ trách: 0			
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng văn bản QPPL trong năm</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	
2.1.1	Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL trong năm	1		- Báo cáo kết quả xây dựng và ban hành VBQPPL;
-	Có ban hành kế hoạch: 1	1		- Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.
-	Không ban hành kế hoạch: 0			
2.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	0	
-	Thực hiện 100% kế hoạch: 1	1		

-	Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 0.5			
-	Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0			
2.2	<b>Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL (đối chiếu với các quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL, quy định của Trung ương, của UBND tỉnh, UBND huyện</b>	1	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>'- Báo cáo kết quả xây dựng và ban hành VBQPPL;</li> <li>- Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.</li> </ul>
-	<i>Đúng quy định: 1</i>	1		
-	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
2.3	<b>Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</b>	2,5	0	
2.3.1	Rà soát thường xuyên, rà soát theo chuyên đề văn bản QPPL trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao(ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống văn bản QPPL, kế hoạch phải ban hành trong tháng 01 của năm kế hoạch)	1	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; báo cáo kết quả rà soát.</li> <li>- Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.</li> </ul>
-	<i>Ban hành kế hoạch trước, đúng thời gian và thực hiện rà soát thường xuyên: 1</i>	1		
-	<i>Ban hành kế hoạch chậm và không đúng thời gian và không thực hiện rà soát thường xuyên: 0</i>			
2.3.2	Thực hiện báo cáo năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	0,5	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa;</li> <li>- Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.</li> </ul>
-	<i>Báo cáo theo quy định: 0.5</i>	0,5		
-	<i>Không thực hiện: 0</i>			
2.3.3	<b>Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	1	0	
-	<i>Từ 80%-100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i>	1		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa;</li> <li>- Văn bản xử lý, kiến nghị xử lý VBQPPL không còn phù hợp;</li> <li>- Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.</li> </ul>
	$\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý} * 1}{100\%} \right\}$			
-	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
2.4	<b>Kiểm tra, kiến nghị xử lý văn bản QPPL</b>	1,5	0	
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra, hệ thống hóa VBQPPL;</li> </ul>

-	<i>Thực hiện theo quy định: 0.5</i>	0,5			- Báo cáo kết quả sau khi kiểm tra; - Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.
-	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
2.4.2	<i>Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	1	0		- Báo cáo, biên bản, các văn bản xử lý VBQPPL trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra;
-	<i>Từ 70%-100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i>	1			- Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.
	$\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}*1}{100\%} \right\}$				
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
	<i>Qua kiểm tra không có văn bản QPPL trái pháp luật: 1</i>				
2.5	<i>Tổ chức triển khai văn bản QPPL của cấp trên tại cấp xã (đánh giá tỷ lệ % số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định so với tổng số văn bản QPPL do cấp trên ban hành mà xã phải thực hiện)</i>	2	0		- Các văn bản triển khai thực hiện. - Kết quả theo dõi của phòng Tư pháp.
-	<i>100% số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 2</i>	2			
-	<i>Từ 80% đến dưới 100% số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
-	<i>Dưới 80% số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0</i>				
<b>3</b>	<b>CAI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát quy định của thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>2</b>	<b>0</b>		
3.1.1	<i>Kế hoạch kiểm soát TTHC</i>	1	0		- Kế hoạch kiểm soát TTHC;
-	<i>Ban hành đúng quy định: 1</i>	1			- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện.
-	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.1.2	<i>Báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ</i>	1	0		- Báo cáo kiểm soát TTHC của đơn vị;
-	<i>Đúng quy định: 1</i>	1			

-	<i>Không đúng quy định: 0</i>				- Kết quả điều tra của Văn phòng HĐND&UBND huyện.
<b>3.2 Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính</b>		<b>2</b>	<b>0</b>		
3.2.1	Việc triển khai thực hiện	1	0		
-	<i>Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kế hoạch rà soát, đơn giản hóa của UBND tỉnh hoặc UBND huyện ban hành: 1</i>	1			- Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC;
-	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau 30 ngày so với kế hoạch của UBND tỉnh hoặc UBND huyện: 0</i>				- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện.
3.2.2	Báo cáo kết quả thực hiện	1	0		
-	<i>Có báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện: 1</i>	1			- Báo cáo kiểm soát TTHC, Báo cáo CCHC năm;
-	<i>Không có báo cáo: 0</i>				- Các văn bản xử lý các vấn đề phát
<b>3.3 Công khai TTHC</b>		<b>1,5</b>	<b>0</b>		
3.3.1	TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	1	0		- Báo cáo kiểm soát TTHC; báo cáo CCHC năm; hình ảnh minh họa...;
-	<i>100% TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 1</i>	1			- Kết quả theo dõi, kiểm tra của các Đoàn kiểm tra.
-	<i>Dưới 100%: 0</i>				
3.3.2	Công khai mức phí, lệ phí	0,5	0		
-	<i>Đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5</i>	0,5			
-	<i>Không đầy đủ, kịp thời: 0</i>				
<b>3.4 Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>		<b>14,5</b>	<b>0</b>		
3.4.1	Thực hiện cơ chế một cửa	2	0		
-	<i>100% TTHC hiện đúng quy trình: 2</i>	2			- Báo cáo kiểm soát TTHC, báo cáo CCHC năm;
-	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 1</i>				- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện, Đoàn kiểm tra.
-	<i>Dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 0</i>				
3.4.2	Thực hiện cơ chế một cửa liên thông	2	0		
-	<i>100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 2</i>	2			- Báo cáo kiểm soát TTHC, báo cáo CCHC năm;
-	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 1</i>				- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện, kết quả

-	<i>Dưới 100% TTHC thực hiện đúng quy trình: 0</i>				Đoàn kiểm tra.
3.4.3	<p>Kết quả giải quyết TTHC</p> <p>Từ 95%-100% số TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> <p>{ <math>\frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC được giải quyết đúng hạn} * 5}{100\%}</math> }</p>	5	0		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&amp;UBND huyện</li> </ul>
-	<i>Dưới 95% số TTHC được giải quyết đúng hạn: 0</i>				
3.4.4	<p>Cập nhật kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử</p> <p>Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử: 3</p> <p>Không cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử: 0</p>	3	0		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC; báo cáo kết quả ứng dụng CNTT năm;</li> <li>- Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử của huyện.</li> </ul>
3.4.5	Hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định: 1	1			
3.4.6	<p>Đảm bảo hiệu quả thực hiện thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</p> <p>Có phân công lãnh đạo cấp xã phụ trách một cửa, một cửa liên thông: 0.5</p> <p>Có tổ chức hướng dẫn hồ sơ, thủ tục cho công dân: 1</p>	1,5			
3.5	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</b>	1,5	0		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm soát TTHC; Báo cáo CCHC định kỳ của cơ quan, đơn vị;</li> <li>- Tài liệu khác nếu có (hình ảnh minh họa...); các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị.</li> </ul>
3.5.1	<p>Công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN</p> <p>Thực hiện theo quy định: 0.5</p> <p>Không thực hiện: 0</p>	0,5	0		
3.5.2	Thực hiện tiếp nhận, xử lý PAKN	1	0		
-	<i>Có 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định: 1</i>	1			
-	<i>Dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định: 0</i>				

-	Trong năm không có phản ánh, kiến nghị: 1				
3.6	<b>Thực hiện việc xin lỗi bằng văn bản trong việc giải quyết hồ sơ trễ hạn</b>	3	0		Văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân.
-	Từ 80%-100% số TTHC giải quyết trễ hạn được xin lỗi thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC trễ hạn được xin lỗi} * 3}{100\%} \right\}$	3			
-	Dưới 80% TTHC giải quyết trễ hạn được xin lỗi: 0				
4	<b>CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>10</b>	<b>0</b>		
4.1	<i>Ban hành quy chế làm việc của UBND cấp xã</i>	3	0		- Báo cáo CCHC định kỳ;
-	<i>Đã ban hành và cập nhật đúng quy định: 2</i>	2			- Các văn bản rà soát, sửa đổi quy chế làm việc.
-	<i>Chưa ban hành và ban hành không đúng quy định: 0</i>				
4.2	Ban hành quyết định phân công nhiệm vụ của từng thành viên UBND và công chức, người hoạt động không chuyên trách: 1	1			- Các quyết định phân công nhiệm vụ của từng thành viên UBND và công chức, người hoạt động không chuyên trách
4.3	<b>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được UBND tỉnh giao</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		- Báo cáo CCHC định kỳ và báo cáo thống kê về tình hình sử dụng biên chế trong năm của đơn vị; tài liệu khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ; các đoàn kiểm tra.
-	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>	1			
-	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>				
4.4	<b>UBND cấp xã tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với nhân dân trên địa bàn (theo quy định tại Điều 125, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015)</b>	<b>2</b>	<b>0</b>		
-	<i>Có ban hành Kế hoạch và báo cáo việc tổ chức thực hiện: 2</i>	2			Báo cáo kết quả triển khai; các tài liệu liên quan đến hội nghị.
-	<i>Không ban hành Kế hoạch và không tổ chức thực hiện: 0</i>				

4.5	Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ và Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ	2	0	Biên bản, kết luận Hội nghị và các văn bản liên quan (Nếu trong năm chưa kịp tổ chức thì lấy kết quả hội nghị năm trước liền kề).
	- Tổ chức trước 31/12 hàng năm: 1			
	- Thực hiện đầy đủ nội dung theo quy định: 2	2		
4.6	Thực hiện việc đánh giá phân loại cán bộ công chức, người đứng đầu và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm	2		
	- Đúng quy định: 2	2		
	- Không đúng quy định: 0			
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	11	0	
5.1	<b>Bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức xã</b>	3	0	
	- 100% số cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên theo quy định: 3	3		- Văn bản triển khai việc bố trí cán bộ, công chức theo vị trí việc làm;
	- Từ 80% đến dưới 100% số cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên theo quy định: 2			- Báo cáo của cơ quan, đơn vị về việc bố trí cán bộ, công chức theo vị trí việc làm (nêu rõ tỉ lệ % bố trí đúng vị trí việc làm).
	- Từ 60% đến dưới 80% số cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên theo quy định: 1			
	- Dưới 60% số cán bộ, công chức bố trí phù hợp với trình độ chuyên theo quy định: 0			
5.2	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	1,5	0	Kế hoạch, báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm.
5.2.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm	0,5	0	
	- Ban hành trước ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0,5	0,5		
	- Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0			
5.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0	

-	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5</i>	0,5		
-	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 0.25</i>			
-	<i>Dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
5.2.3	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0	
-	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>	0,5		
-	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
<b>5.3</b>	<b>Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	
5.3.1	Cập nhật đầy đủ thông tin CBCCVC trên hệ thống phần mềm thông tin quản lý CBCCVC của tỉnh, huyện	1	0	Kết quả theo dõi của phòng Nội vụ.
-	<i>Cập nhật đầy đủ 100%: 1</i>	1		
-	<i>Cập nhật từ 90 - dưới 100%: 0.5</i>			
-	<i>Cập nhật dưới 90%: 0</i>			
5.3.2	Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	2	0	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức; các Quyết định, biên bản, kết luận họp đánh giá; tài liệu khác liên quan.
-	<i>Ban hành tiêu chí đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá hàng năm: 2</i>	2		
-	<i>Không ban hành tiêu chí đánh giá nhưng hàng năm có đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá hàng năm: 1</i>			
-	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không kịp thời theo quy định: 0</i>			- Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ trong năm.
<b>5.4</b>	<b>Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã</b>	<b>2,5</b>	<b>0</b>	
5.4.1	Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	1	0	
-	<i>Từ 80% - 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% đạt chuẩn} * 1}{100\%} \right\}$	1		
-	<i>Dưới 80% đạt chuẩn: 0</i>			
5.4.2	Chuẩn hóa đội ngũ công chức cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	1	0	

	<i>Từ 95% - 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% đạt chuẩn} * 1}{100\%} \right\}$	1			đúng vị trí việc làm).
-	<i>Dưới 95% đạt chuẩn: 0</i>				
5.4.3	Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm đối với cán bộ, công chức cấp xã	0,5	0		
-	<i>Đạt trên 80% số cán bộ, công chức: 0.5</i>	0,5			
-	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số cán bộ, công chức: 0.25</i>				
-	<i>Đạt dưới 50% số cán bộ, công chức: 0</i>				
5.5	<b>Thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch của UBND tỉnh, UBND huyện</b>	1	0		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tinh giản biên chế;</li> <li>- Báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Kết quả theo dõi của phòng Nội vụ.</li> </ul>
-	<i>Tinh giản đủ số lượng: 1</i>	1			
-	<i>Không đủ số lượng: 0</i>				
5.6	<b>Chấp hành kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ</b>	2	0		
-	<i>100% cán bộ, công chức chấp hành nghiêm hoặc đơn vị chủ động phát hiện cán bộ, công chức vi phạm và tiến hành xử lý hoặc đề nghị xử lý theo quy định: 2</i>	2			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo các đoàn kiểm tra; Kết quả theo dõi của phòng Nội vụ.</li> </ul>
-	<i>Có trường hợp cán bộ công chức vi phạm các quy định nhưng chưa tới mức xử lý kỷ luật: 1</i>				
-	<i>Có trường hợp cán bộ công chức bị xử lý kỷ luật hoặc có khiếu nại, tố cáo, phản ánh của người dân, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến cán bộ công chức được thẩm tra, xác minh là có cơ sở: 0</i>				
6	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	5	0		
6.1	<b>Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</b>	4	0		
6.1.1	Xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ	2	0		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế chi tiêu nội bộ, các văn bản sửa đổi, bổ sung;</li> </ul>
-	<i>Có triển khai xây dựng và cập nhật sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ kịp thời theo quy định (chính sách tiền lương, phụ cấp, hội nghị, công tác phí ...): 2</i>	2			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch.</li> </ul>

	<i>Có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhưng không cập nhật sửa đổi, bổ sung kịp thời theo quy định (chính sách tiền lương, phụ cấp, hội nghị, công tác phí ...): 1</i>				
	<i>Không có quy chế chi tiêu nội bộ: 0</i>				
6.1.2	Có phương án tiết kiệm chi ngân sách đối với dự toán được giao	2	0		- Văn bản triển khai; phương án về tiết kiệm; báo cáo kết quả;
	<i>Có phương án về tiết kiệm chi ngân sách nhà nước đối với dự toán được giao: 1</i>	1			- Báo cáo CCHC định kỳ.
	<i>Có báo cáo về tiết kiệm chi ngân sách nhà nước đối với dự toán được giao: 1</i>	1			- Kết quả theo dõi của Phòng Tài chính - Kế hoạch.
	<i>Không có phương án, không có báo cáo: 0</i>				
6.2	<b>Chấp hành lập dự toán và báo cáo quyết toán theo đúng quy định: 1</b>	1			Kết quả theo dõi của phòng Tài chính - Kế hoạch.
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH</b>	16,5	<b>0</b>		
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động quản lý</b>	5,5	<b>0</b>		
7.1.1	Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm	1	0		Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong năm của đơn vị.
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 1</i>	1			
	<i>Không kịp thời, đúng quy định: 0</i>				
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	0		Báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng CNTT.
	<i>Hoàn thành từ 80%-100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} * 1}{100\%}$	1			
	<i>Dưới 80% kế hoạch</i>				
7.1.3	Báo cáo công tác ứng dụng công nghệ thông tin	0,5	0		
	<i>Thực hiện theo quy định: 0.5</i>	0,5			
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
7.1.4	Ứng dụng Phần mềm Văn phòng điện tử	1	0		- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng

-	100% văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử: 1	1		CNTT;
-	Dưới 100%: 0			- Tài liệu liên quan khác (nếu có); - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện.
7.1.5	Sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử công vụ của tỉnh	1	0	- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT;
-	100% cán bộ, công chức sử dụng: 1	1		- Tài liệu liên quan khác (nếu có); - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện; phòng Văn hóa và Thông tin .
-	Từ 90% - dưới 100% cán bộ, công chức sử dụng: 0.5			
-	Dưới 90%: 0			
7.1.6	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số	1	0	- Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT;
-	100% lãnh đạo, quản lý (Từ Phó chủ tịch UBND xã trở lên) sử dụng: 1	1		- Tài liệu liên quan khác (nếu có); - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện; phòng Văn hóa và Thông tin .
-	Dưới 100% lãnh đạo, quản lý (Từ Phó chủ tịch UBND xã trở lên) sử dụng: 0			
7.2	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	4	0	- Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND&UBND huyện
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 3 được công bố tại cơ quan, đơn vị	2	0	
-	Từ 80%-100% số hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 3 so với số hồ sơ nhận được thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  $\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ } 3 * 2}{100\%} \right\}$	2		
-	Dưới 80% số hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 3 so với số hồ sơ nhận được: 0			
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 4 được công bố tại cơ quan, đơn vị	2	0	

	<p>Từ 80%-100% số hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 4 so với số hồ sơ nhận được thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> <p style="text-align: center;"><math>\left\{ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4*2}}{100\%} \right\}</math></p>	2		
-	Dưới 80% số hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 4 so với số hồ sơ nhận được: 0			
7.3	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 trong hoạt động</b>	7	<b>0</b>	
7.3.1	Thực hiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 trong hoạt động	2	0	
-	Có áp dụng, duy trì, cải tiến đạt loại tốt: 2	2		
-	Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại khá: 1			
-	Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại trung bình: 0.5			
-	Đạt loại yếu: 0			
7.3.2	Triển khai thực hiện và công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 trong hoạt động	3	0	
-	Trên 90% TTHC đã triển khai và được công bố áp dụng và báo cáo về phòng Kinh tế và Huyện: 3	3		
-	Dưới 90% TTHC đã triển khai và được công bố áp dụng và không báo cáo về phòng Kinh tế và Huyện: 0			
7.3.3	Duy trì, cập nhật hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 phù hợp với tiêu chuẩn Quốc gia	2	0	
	Có duy trì, cải tiến: 2	2		
	Không duy trì, cải tiến: 0			
	<b>Cộng</b>	<b>92</b>	<b>0</b>	
8	<b>Điểm cộng</b>	8	0	

	Sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC trong năm (Là những giải pháp, biện pháp, mô hình, đề án, cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả trong thực hiện CCHC trong năm được cơ quan có thẩm quyền công nhận)	2		Văn bản công nhận sáng kiến CCHC cấp huyện trở lên.
-	Có đề xuất thêm TTHC thực hiện cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 so với danh mục được UBND tỉnh phê duyệt	2		Văn bản đề xuất, Quyết định của UBND tỉnh
-	Có đề xuất ban hành quy trình liên thông trong giải quyết TTHC	1		Văn bản đề xuất
-	Chủ trì tham mưu ban hành quy trình liên thông trong giải quyết TTHC	1		Quyết định của UBND tỉnh
-	Đề xuất UBND huyện đề nghị UBND tỉnh đơn giản hóa TTHC so với quy định của UBND tỉnh	2		Quyết định đơn giản hóa TTHC của UBND tỉnh
<b>9</b>	<b>Điểm trừ</b>			
	Không có thông báo xin lỗi, hẹn lại thời gian trả kết quả đối với các trường hợp hồ sơ trễ hạn hoặc không có thông báo từ chối giải quyết hồ sơ, nêu rõ căn cứ pháp lý đối với hồ sơ từ chối giải quyết theo quy định; cán bộ tại bộ "phản một cửa" từ chối tiếp nhận hồ sơ mà không có lý do chính đáng (tổ chức, cá nhân có phản ánh)	- 2		
	Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, chậm điểm của các cơ quan, đơn vị chậm so với thời gian quy định; không kịp thời cập nhật các TTHC theo cơ chế, cơ chế một cửa liên thông theo quy định trên phần mềm Một cửa diwwnj từ	- 2		
<b>Tổng cộng (Không bao gồm phần điểm trừ)</b>		<b>100</b>	<b>0</b>	

**- Lưu ý:**

+ Các đơn vị không được cắt bỏ dòng hoặc cột của bảng

+ Chỉ nhập số liệu trong các ô tiêu chí thành phần, số điểm sẽ tự chạy vì đã được thiết lập công thức.